

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 424/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 9 - 2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trường Hận

Ông Nguyễn Công Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Tiên là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 528/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 430/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thảo T, sinh năm 2003; Cư trú: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh C. (Có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Tuấn X, sinh năm 1992; Cư trú: Khóm 11, thị trấn S, huyện T, tỉnh C (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/8/2024 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thảo T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tuấn X kết hôn ngày 27/10/2021 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng hiện nay vợ chồng không còn tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cự cãi, đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2024 đến nay, không có khả năng hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Do không còn tình cảm với anh X nên chị xin ly hôn với anh X.

- Về con chung: Vợ chồng có một người con chung tên Nguyễn Tuấn Cảnh, sinh ngày 12/9/2021, hiện do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con, yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con thành niên.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên hoà giải ngày 19/8/2024 và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Tuấn X trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thảo T. Hiện anh còn tình cảm với chị T nhưng chị T đã kiên quyết xin ly hôn thì anh đồng ý.

- Về con chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về con chung. Khi ly hôn, anh yêu cầu Toà án xem xét điều kiện nuôi dưỡng con của đôi bên. Trường hợp xét điều kiện của anh tốt hơn thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con; không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp xét điều kiện của chị T tốt hơn thì anh đồng ý để chị T trực tiếp nuôi dưỡng con; anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con thành niên theo yêu cầu của chị T.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung (Vàng cưới), tuy nhiên anh và chị T sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết trong vụ án này. Trường hợp không thỏa thuận được, anh sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thảo T và anh Nguyễn Tuấn X xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh X là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị T và anh X thống nhất xác định hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh chị tự nguyện ly hôn với nhau. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh X.

[2] Về con chung: Vợ chồng có một người con chung tên Nguyễn Tuấn Cảnh, sinh ngày 12/9/2021. Khi ly hôn, chị T và anh X đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cảnh.

Xét thấy, cả chị T và anh X đều có điều kiện, khả năng trong việc trông non, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Cảnh. Tuy nhiên, hiện cháu Cảnh còn nhỏ (Vừa tròn 36 tháng tuổi) rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp từ người mẹ; hơn nữa, từ khi chị T và anh X sống ly thân, cháu Cảnh sống chung với mẹ là chị T nên cháu đã có sự gắn bó, thân thiết với mẹ. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu Cảnh, trong đó có việc bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường

sống và giáo dục cháu Cảnh, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu Cảnh cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh X không trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cảnh nên anh X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về mức cấp dưỡng: Xét thấy mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp với thu nhập, khả năng thực tế của anh X, phù hợp với nhu cầu thiết yếu của cháu Cảnh, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, buộc anh X cấp dưỡng cho cháu Cảnh mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Cảnh thành niên là phù hợp với khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, trong khi anh X xác định vợ chồng có tài sản chung là khoản vàng đôi bên gia đình tặng cho trong ngày cưới. Tuy nhiên, cả chị T và anh X đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về nợ chung: Chị T và anh X thống nhất xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Do chị T và anh X tự nguyện ly hôn trước khi mở phiên tòa nên chị T và anh X phải chịu 50% án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Do anh X có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Cảnh nên anh X phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 3, 6, 7 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thảo T.

- Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thảo T và anh Nguyễn Tuấn X.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tuấn Cảnh, sinh ngày 12/9/2021 cho chị Nguyễn Thảo T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Tuấn X có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Cảnh mà không ai được cản trở; Anh X có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Cảnh được sống chung với chị T; Buộc anh X cấp dưỡng cho cháu Cảnh mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu Cảnh thành niên.

- Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.
- Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thảo T phải chịu án phí số tiền 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng). Ngày 15/8/2024 chị T đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005511 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được đối trừ chuyển thu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng); chị T được nhận lại số tiền 225.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Anh Nguyễn Tuấn X phải chịu án phí số tiền 375.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), chưa nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thảo T và bị đơn anh Nguyễn Tuấn X có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Thị Hồng Hà